



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 1)

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 02 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang**
Laboratory: **Drug, Cosmetic, Food Quality Control Center of An Giang Province**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Sở Y tế tỉnh An Giang**
Organization: **Department of Health An Giang**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1213**

Chuẩn mực công nhận **ISO/IEC 17025:2017**
Accreditation criteria

Lĩnh vực: **Dược**
Field: **Pharmaceutical**

Người quản lý: **Trần Quốc Tuấn**
Laboratory manager: **Tran Quoc Tuan**

Hiệu lực công nhận **Kể từ ngày /02/2026 đến ngày 05/ 03/2029**
Period of Validation:

Địa chỉ: **Lô D11 Tuệ Tĩnh, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang**
Address: **Lot D11 Tue Tinh, Rach Gia Ward, An Giang Province**

Địa điểm: **Lô D11 Tuệ Tĩnh, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang**
Location: **Lot D11 Tue Tinh, Rach Gia Ward, An Giang Province**

Điện thoại/ Tel: **02963.841763**

Email: **kiemnghiemag@gmail.com**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 1)

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1213

Lĩnh vực thử nghiệm: Dược

Field of testing : Pharmaceutical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or Product tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of the specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test Method</i>
1.	Thuốc (nguyên liệu, thành phẩm) <i>Drug (Materials, Finished products)</i>	Cảm quan (tính chất, mô tả, hình thức) <i>Appearance (character, description, form)</i>		Dược điển Việt Nam, dược điển các nước, tiêu chuẩn cơ sở (trong và ngoài nước) do Bộ Y Tế cấp số đăng ký. <i>Vietnamese Pharmacopoeia, Foreign Pharmacopoeia, Specification in house.</i>
2.		Xác định độ đồng đều khối lượng <i>Determination of uniformity of weight</i>		
3.		Định tính phản ứng hoá học <i>Identification by chemical reactions</i>		
4.		Định tính bằng sắc ký lớp mỏng <i>Identification by thin layer chromatography</i>		
5.		Định lượng chuẩn độ điện thế <i>Quantitative potential titration</i>		
6.		Định tính, định lượng bằng quang phổ tử ngoại, khả kiến (UV-Vis) <i>Qualitative and quantitative by visible ultraviolet spectroscopy</i>		
7.		Định tính, Định lượng các hoạt chất chính (HPLC đầu dò DAD) <i>Identification, Assay of active pharmaceutical ingredient (herba powder microscopical identification, HPLC)</i>		
8.		Xác định độ rã <i>Determination of Disintegration</i>		
9.		Xác định độ hoà tan <i>Determination of Dissolution</i>		
10.		Xác định độ đồng nhất <i>Determination of homogeneity</i>		
11.		Xác định pH <i>Determination of pH value</i>		
12.	Dược liệu <i>Herbal</i>	Cảm quan (tính chất, mô tả, hình thức) <i>Appearance (Character, description, form)</i>		
13.		Định tính phản ứng hoá học <i>Identification by chemical reactions</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 1)*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1213**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or Product tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of the specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test Method</i>
14.	Dược liệu <i>Herbal</i>	Định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng <i>Identification by layer signature reactions</i>		Dược điển Việt Nam, dược điển các nước, tiêu chuẩn cơ sở (trong và ngoài nước) do Bộ Y Tế cấp số đăng ký. <i>Vietnamese Pharmacopoeia, Foreign Pharmacopoeia, Specification in house.</i>
15.		Soi bột <i>Powder</i>		
16.		Xác định độ ẩm Phương pháp cân sấy ẩm, tủ sấy <i>Determination of moisture Weight drying method</i>		
17.		Xác định tạp chất <i>Determination of foreign matter</i>		
18.		Xác định tỷ lệ vụn nát <i>Determination of fragmentation</i>		
19.		Xác định tro toàn phần <i>Determination of total ash</i>		
20.		Xác định mất khối lượng do làm khô Phương pháp tủ sấy <i>Determination of mass loss Drying oven method</i>		
21.		Xác định hàm lượng chất chiết được <i>Determination of extractives</i>		

Ghi chú/Note:

Trường hợp Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh An Giang cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Drug, Cosmetic, Food Quality Control Center of An Giang Province that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*